

Số: /2023/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Quy định nội dung chi và mức chi
của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên
tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên
tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và
Luật Đê điều;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8
năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số 75/TTr-SNNPTNT ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Báo cáo thẩm định
số 741/BC-STP ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Sở Tư pháp.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng,
chống thiên tai tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Quỹ).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

a) Chi hỗ trợ sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán: Các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện theo phương án ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thống kê chi phí thực tế, báo cáo Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Mức hỗ trợ là 100.000 đồng/người/ngày nhân với số ngày thực tế được sơ tán.

b) Tuân tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai: Mức chi theo chủ trương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

c) Hỗ trợ cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được huy động tham gia ứng phó thiên tai theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Mức hỗ trợ ngày công bằng 0,1 lần mức lương cơ sở (trường hợp được huy động vào ban đêm từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau mức hỗ trợ được tính gấp đôi).

d) Hỗ trợ cho người hưởng lương từ ngân sách nhà nước được huy động tham gia ứng phó thiên tai theo quyết định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai: Mức hỗ trợ 100.000 đồng/người/ngày.

2. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai:

- Cứu trợ khẩn cấp về lương thực để trợ giúp thành viên trong các hộ gia đình thiếu đói trong các đợt thiên tai: 15kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt thiên tai.

- Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai: Chi theo thực tế và khả năng cân đối của Quỹ. Mức chi tối đa 300.000 đồng/người/đợt thiên tai.

- Chi hỗ trợ sách vở, phương tiện học tập cho học sinh: Chi theo thực tế và khả năng cân đối của Quỹ. Mức chi tối đa 400.000 đồng/học sinh/đợt thiên tai.

b) Hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai:

- Hỗ trợ nhà bị đổ, sập trôi, hư hỏng do thiệt hại hoàn toàn hoặc bị phá hủy, hư hỏng trên 70% không thể khôi phục lại: Mức hỗ trợ 60.000.000 đồng/nhà/hộ;

- Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại rất nặng (bị phá hủy, hư hỏng từ trên 50% đến 70%): Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/nhà/hộ;

- Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại nặng (bị phá hủy, hư hỏng từ 30% đến 50%): Mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/nhà/hộ;

- Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại một phần (bị hư hỏng dưới 30%): Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/nhà/hộ;

- Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai: Mức chi theo thực tế và khả năng cân đối của Quỹ, tối đa 50.000.000 đồng trong tổng mức đầu tư 1 công trình.

- Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Mức chi theo thực tế và phù hợp với khả năng cân đối của Quỹ. Mức chi tối đa 10.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn bị ảnh hưởng.

c) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai:

* Hỗ trợ đối với cây trồng:

- Diện tích lúa thuần bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha;

- Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

- Diện tích lúa lai bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha;

- Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;

- Diện tích ngô và rau màu các loại thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha;

- Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha.

* Hỗ trợ đối với sản xuất lâm nghiệp:

- Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha;

- Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

* Hỗ trợ đối với nuôi thủy, hải sản:

- Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp) bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.100.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 7.100.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 6.100.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.500.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi nhuyễn thể bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.500.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi cá tra thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.500.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

- Lồng, bè nuôi nước ngọt bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 7.100.000 đồng/100 m³ lồng; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/100 m³ lồng;

- Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.500.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 35.500.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;

- Lồng, bè nuôi trồng ngoài biển (xa bờ, ven đảo) bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 15.500.000 đồng/100 m³ lồng; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/100 m³ lồng;

- Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.100.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha.

* Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm:

- Thiệt hại do thiên tai:

+ Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 10.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 21.000 đồng/con;

+ Lợn đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 300.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 450.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, hỗ trợ 2.000.000 đồng/con;

+ Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 1.000.000 đồng/con; bò sữa trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 3.100.000 đồng/con;

+ Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 500.000 đồng/con; trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 2.100.000 đồng/con;

+ Hươu, nai, cừu, dê: Hỗ trợ 1.000.000 đồng/con.

* Hỗ trợ đối với sản xuất muối: Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha.

d) Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai: Mức chi theo tình hình thực tế và khả năng cân đối của Quỹ.

đ) Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở. Mức chi theo chủ trương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

e) Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai. Mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình và khả năng cân đối của Quỹ.

3. Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa

a) Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai: Mức chi theo chủ trương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

b) Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai: Mức chi theo chủ trương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

c) Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm: Các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện theo phương án ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thống kê chi phí thực tế, báo cáo Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

d) Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng: Mức chi theo chủ trương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

đ) Diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: Mức chi theo chủ trương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

e) Hỗ trợ mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi theo chủ trương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

g) Tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai: Mức chi theo chủ trương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

h) Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: Mức chi theo thực tế và phù hợp với khả năng cân đối của Quỹ.

i) Hỗ trợ mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: Mức chi theo chủ trương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

4. Chi 3% tổng số thu của Quỹ cho các chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ như sau:

a) Chi hỗ trợ cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và Cơ quan quản lý Quỹ: Mức chi tối đa 300.000 đồng/người/tháng, tùy thuộc vào nguồn kinh phí quản lý, điều hành hoạt động hàng năm của Quỹ.

b) Chi phí hành chính của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh: Nội dung chi và mức chi quản lý hành chính thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Phân bổ Quỹ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại 28% số thu trên địa bàn xã để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu là 5%, chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ 3% và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã 20%. Số tiền thu quỹ trên địa bàn còn lại là 72%, nộp vào tài khoản Quỹ ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền. Trường hợp các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và các xã khu vực III được phân bổ thấp hơn các xã (trừ các xã nêu trên), Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ tối thiểu cho Ủy ban nhân dân các xã này phải bằng số tiền của cấp xã (trừ các xã nêu trên) được phân bổ thấp nhất.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện giữ lại 23% số thu trên địa bàn huyện (bao gồm cả số thu của cấp xã) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện là 20% và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ 3%. Số tiền thu Quỹ còn lại trên địa bàn là 77% nộp vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh.

c) Sau khi các cấp có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện, cấp xã đã sử dụng hết.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm về các khoản thu, chi từ Quỹ được phân bổ và báo cáo định kỳ trước ngày 20 hàng tháng về Cơ quan quản lý Quỹ để theo dõi, quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện, phát sinh các nội dung chi và mức chi ngoài quy định tại Điều 2 Quyết định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền.

4. Trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, hộ gia đình, cá nhân chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách cao nhất.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày.... tháng năm 2023 và thay thế Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy chế hoạt động, hướng dẫn nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Thuận.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT;
- Vụ Pháp chế Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Ninh Thuận;
- Trung tâm CNTT và Truyền thông;
- Công TTĐT tỉnh Ninh Thuận
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. PHT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền